Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 14.01.2022 09:53:17 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 93 /QĐ-UBND | *Tây Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em và người đã kết thúc cách ly y tế (F1) trên địa bàn thành phố Tây Ninh

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh tại Tờ trình số 461/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2021 về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ đối với trẻ em và người kết thúc cách ly y tế (F1), và đề nghị của Tổ Thẩm định tại Tờ trình số 57/TTr-TTĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với trẻ em và người đã kết thúc cách ly y tế (F1) trên địa bàn thành phố Tây Ninh cho 84 người, với mức hỗ trợ 80.000 đồng/người/ngày, trong đó có 06 trẻ em được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em. Tổng kinh phí: 108.720.000 đồng *(Một trăm lẻ tám triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng);* chi từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

*(danh sách kèm theo)*

**Điều 2.**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh chịu trách nhiệm về đối tượng hỗ trợ và tính chính xác của danh sách đề nghị chi trả hỗ trợ. Chỉ đạo chi trả kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng và thực hiện việc chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.

2. Tổ thẩm định chịu trách nhiệm về đối tượng, điều kiện, tiêu chí hỗ trợ; thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ; đôn đốc việc chi trả hỗ trợ kịp thời cho đối tượng, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**Điều 3**. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Kho bạc Nhà nước; Tổ Thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- PKGVX;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh. Tuấn

**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**Dương Văn Thắng**

# DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TRẺ EM VÀ NGƯỜI ĐÃ KẾT THÚC CÁCH LY Y TẾ (F1) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TÂY NINH

*(Kèm theo Quyết định số 93 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT | HỌ VÀ TÊN | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ | Ngày bắt đầu điều trị, cách ly | Ngày kết thúc điều trị cách ly | Số ngày điều trị cách ly | Số tiền (đồng) | Số tiền trẻ em được hỗ trợ thêm (đồng) | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | | | 10 |
| 1 | Trịnh Thị Như Huỳnh | | 1984 | Khu phố 4, Phường 3 | 21/9/2021 | 4/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 2 | Nguyễn Dương Bảo Vy | | 06/05/1994 | Khu phố 4, Phường 2 | 28/09/2021 | 11/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 3 | Đinh Thị Kiều Linh | | 1993 | Khu phố 3, Phường 4 | 28/09/2021 | 11/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 4 | Hoàng Tiến Vũ | 1982 | | Khu phố 3, Phường 4 | 28/09/2021 | 11/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 5 | Bùi Hồng Ngọc | | 21/01/1990 | Khu phố 4, Phường 4 | 25/08/2021 | 7/9/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 6 | Nguyễn Trần Hồng Nhung | | 24/05/1981 | Khu phố 6, Phường 4 | 13/09/2021 | 26/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 7 | Tô Thị Thu Thảo | | 2002 | Khu phố 1, Phường 1 | 08/08/2021 | 21/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 8 | Phạm Thị Thu Trang | | 1976 | Khu phố 1, Phường 1 | 26/08/2021 | 08/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 9 | Trần Văn Đực | 1964 | | Khu phố 2, Phường 1 | 29/10/2021 | 11/11/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 10 | Nhu Minh Hoàng | 2010 | | Khu phố 2, Phường 1 | 29/10/2021 | 11/11/2021 | 14 | 1.120.000 | 1.000.000 | 2.120.000 | |
| 11 | Nhu Thị Tuyết Nhung | | 2012 | Khu phố 2, Phường 1 | 29/10/2021 | 11/11/2021 | 14 | 1.120.000 | 1.000.000 | 2.120.000 | |
| 12 | Nhu Nhất Thiện | 2014 | | Khu phố 2, Phường 1 | 29/10/2021 | 11/11/2021 | 14 | 1.120.000 | 1.000.000 | 2.120.000 | |
| 13 | Ngô Thị Thu Thủy | | 1969 | Khu phố 2, Phường 1 | 13/10/2021 | 26/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 14 | Trần Lê Tuấn | 1960 | | Khu phố 3, Phường 1 | 08/08/2021 | 21/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 15 | Bùi Thị Ngọc Duyên | | 2004 | Khu phố 3, Phường 1 | 08/08/2021 | 21/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 16 | Võ Thị Thanh Bình | | 2004 | Khu phố 3, Phường 1 | 08/08/2021 | 21/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 17 | Lê Hoàng Nam | 1972 | | Khu phố 3, Phường 1 | 29/10/2021 | 11/11/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 18 | Phạm Kim Hùng | 1958 | | Khu phố 5, Phường 1 | 08/09/2021 | 21/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 19 | Nguyễn Thị Mỹ Tú | | 1982 | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 20/09/2021 | 03/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 20 | Nguyễn Thị Ngọc Thúy | | 09/07/1973 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 03/10/2021 | 16/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 21 | Nguyễn Thị Hận | | 25/02/1978 | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 04/10/2021 | 17/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 22 | Nguyễn Thị Đủ | | 01/01/1950 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 15/08/2021 | 28/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 23 | Ngô Thị Lan Phương | | 11/05/1991 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 14/09/2021 | 27/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 24 | Lê Minh Thiện | 01/01/1985 | | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 14/09/2021 | 27/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Lê Nhật Duy | 01/03/2015 | | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 14/09/2021 | 27/09/2021 | 14 | 1.120.000 | 1.000.000 | 2.120.000 | |
| 26 | Trần Thanh Thàn | 20/10/1971 | | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 28/08/2021 | 10/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 27 | Trần Thanh Tân | 02/12/1987 | | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 28/08/2021 | 10/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 28 | Trần Thị Nhiễn | | 20/10/1951 | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 28/08/2021 | 10/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 29 | Phan Thị Ba | | 1955 | khu phố Ninh Phước, P.Ninh Thạnh | 02/08/2021 | 15/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 30 | Nguyễn Thị Bạch Yến | | 23/10/1962 | khu phố Ninh Phước, P.Ninh Thạnh | 02/08/2021 | 15/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 31 | Nguyễn Thị Thu An | | 03/10/1966 | khu phố Ninh Phước, P.Ninh Thạnh | 02/08/2021 | 15/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 32 | Nguyễn Thanh Tùng | 05/05/1962 | | khu phố Ninh Phước, P.Ninh Thạnh | 02/08/2021 | 15/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 33 | Lâm Thị Bích Sương | | 16/12/2003 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 10/08/2021 | 23/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 34 | Đỗ Thị Kim Mai | | 10/08/1978 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 10/08/2021 | 23/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 35 | Lê Văn Năm | 27/03/1972 | | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 10/08/2021 | 23/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 36 | Lê Trúc Nhi | | 22/12/2004 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 10/08/2021 | 23/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 37 | Lê Thị Mỹ Trinh | | 09/07/1998 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 15/08/2021 | 28/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 38 | Lê Thị Thùy Dung | | 12/03/1989 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 15/08/2021 | 28/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 39 | Lê Thị Kim Hiền | | 1969 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 15/08/2021 | 28/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 40 | Nguyễn Thị Phương Vy | | 30/12/2008 | khu phố Ninh Phúc, P.Ninh Thạnh | 15/08/2021 | 28/08/2021 | 14 | 1.120.000 | 1.000.000 | 2.120.000 | |
| 41 | Võ Thanh Bình | 15/03/1990 | | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 31/08/2021 | 13/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 42 | Hồ Văn Lập | 06/09/1987 | | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 31/08/2021 | 13/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 43 | Nguyễn Thị Kim Thanh | | 15/06/1966 | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 31/08/2021 | 13/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 44 | Đào Thị Huỳnh Như | | 27/07/1994 | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 31/08/2021 | 13/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 45 | Võ Văn Long | 01/01/1962 | | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 31/08/2021 | 13/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 46 | Nguyễn Văn Của | 03/06/1980 | | khu phố Ninh Lợi, P.Ninh Thạnh | 23/09/2021 | 06/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 47 | Trần Thị Diệp Thúy | | 1962 | khu phố Ninh Lợi, P.Ninh Thạnh | 15/09/2021 | 28/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 48 | Võ Thị Thúy Liễu | | 20/02/1995 | khu phố Ninh Đức, P.Ninh Thạnh | 05/08/2021 | 18/08/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 49 | Phan Thị Yến | | 1976 | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 08/09/2021 | 21/09/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 50 | Đặng Thị Hồng Thanh | | 04/09/2014 | khu phố Ninh Hòa, P.Ninh Thạnh | 08/09/2021 | 21/09/2021 | 14 | 1.120.000 | 1.000.000 | 2.120.000 | |
| 51 | Nguyễn Minh Em | 1977 | | khu phố Ninh Đức, P.Ninh Thạnh | 07/10/2021 | 20/10/2021 | 14 | 1.120.000 | | 1.120.000 | |
| 52 | Nguyễn Thị Thùy Trang | | 21/07/1985 | Khu phố 1, Phường 4 | 13/09/2021 | 27/9/2021 | 15 | 1.200.000 | | 1.200.000 | |
| 53 | Võ Khắc Vũ | | 1976 | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/09/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 54 | Đặng Văn Vững | 15/08/1953 | | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 55 | Lê Thị Vân | | 01/01/1969 | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 56 | Trần Thị Tác | | 20/06/1954 | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | Tống Thị Phi Oanh | | 13/07/1962 | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 58 | Nguyễn Tấn Truyền | 1954 | | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 59 | Trần Văn Lớn | 31/11/1961 | | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 60 | Lê Thị Khâu | | 01/01/1966 | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 61 | Trịnh Quang Liệt | 1980 | | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/9/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 62 | Võ Thị Đẹp | | 1965 | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/09/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 63 | Nguyễn Thị Rí | | 1964 | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 05/9/2021 | 20/09/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 64 | Phạm Văn Danh | 1970 | | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 03/9/2021 | 18/09/2021 | 16 | 1.280.000 | | 1.280.000 | |
| 65 | Nguyễn Minh Cường | 1982 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 66 | Trần Ngọc Chính | 1979 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 67 | Nguyễn Trọng Hoàng | 1972 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 68 | Nguyễn Minh Nhựt | 1998 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 69 | Nguyễn Mạnh Đức | 1998 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 70 | Hồ Vũ Linh | 1992 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 71 | Cao VĂn Ken | 1981 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 72 | Trần Thanh Sang | 1990 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 73 | Trần Thanh Phương | 1981 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 74 | Trần Huyền Thanh Hậu | 1987 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 75 | Trần Quang Hậu | 2000 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 76 | Trần Văn Nhẫn | 1985 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 77 | Diệp Văn Sỹ | 1991 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 78 | Vũ Đức Hùng | 1987 | | ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 79 | Phan Tấn Thuận | 1966 | | ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 80 | Huỳnh Tấn Linh | 1971 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 81 | Lê Chí Vỹ | 13/05/2005 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 82 | Huỳnh Trần Nhật Linh | 2003 | | ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân | 03/8/2021 | 20/8/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 83 | Châu Hồng Thạnh | 1972 | | ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân | 01/9/2021 | 18/9/2021 | 18 | 1.440.000 | | 1.440.000 | |
| 84 | Nguyễn Tấn Đạt | 12/10/1997 | | Khu phố 1, Phường 4 | 05/08/2021 | 27/8/2021 | 21 | 1.680.000 | | 1.680.000 | Hỗ trợ tối đa 21 ngày |
| **TỔNG CỘNG: 84 NGƯỜI** | | | | | | | | | | **108.720.000** | |